

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

ĐỀ ÁN

HỖ TRỢ PHỤ NỮ KHỞI NGHIỆP

GIAI ĐOẠN 2017 - 2025

Hà Nội, năm 2017

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	5
PHẦN THỨ NHẤT:	6
CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	6
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ	6
II. CƠ SỞ THỰC TIỄN	7
1. Bối cảnh quốc tế	7
2. Bối cảnh trong nước	8
3. Thực trạng phát triển doanh nghiệp tại Việt Nam	8
3.1 Các chủ trương chính sách, giải pháp thúc đẩy phát triển doanh nghiệp.....	8
3.2 Kết quả	9
4. Thực trạng các hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp	10
4.1 Chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp do nữ làm chủ	10
4.2 Kết quả phát triển doanh nghiệp do nữ làm chủ.....	10
4.3 Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân	11
5. Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ của Hội LHPN Việt Nam	12
5.1 Đào tạo kiến thức kinh doanh và nghề nghiệp cho phụ nữ	12
5.2 Hoạt động hỗ trợ vốn/ tiếp cận tín dụng	14
5.3 Tổ chức các hoạt động tôn vinh, khích lệ sự sáng tạo, ý tưởng kinh doanh của phụ nữ.....	15
5.4 Phát triển mạng lưới Hiệp hội/Hội/CLB doanh nhân nữ:	15
6. Khái niệm khởi nghiệp của Đề án	16
PHẦN THỨ HAI:	18
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH	18
I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN	18
1. Quan điểm	18
2. Mục tiêu	18
2.1 Mục tiêu chung.....	18

2.2 Mục tiêu cụ thể.....	18
II. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN, ĐỊA BÀN THỰC HIỆN	19
1. Đối tượng của Đề án	19
2. Thời gian thực hiện Đề án: Từ năm 2017-2025.	19
3. Địa bàn thực hiện: tại cấp TW và 63 tỉnh/thành.	19
III. HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP	19
1. Tuyên truyền, vận động phụ nữ nâng cao nhận thức về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh; vai trò của phụ nữ đối với sự phát triển kinh tế.	19
1.1 Chỉ tiêu:	19
1.2 Nội dung, giải pháp.....	20
1.3 Cơ quan phối hợp.....	20
1.4 Kinh phí thực hiện	20
2. Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh doanh và khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	20
2.1 Chỉ tiêu:	20
2.2 Nội dung, giải pháp	21
2.3 Cơ quan phối hợp.....	24
2.4 Kinh phí thực hiện	24
3. Nghiên cứu, đề xuất chính sách, kiểm tra giám sát việc thực hiện chính sách luật pháp hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh	24
3.1 Chỉ tiêu:	24
3.2 Nội dung, giải pháp	24
3.3 Cơ quan phối hợp:	25
3.4 Kinh phí:	25
IV. KINH PHÍ ĐỀ ÁN	26
1. Kinh phí thực hiện Đề án	26
2. Cơ chế tài chính của Đề án	26
V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÍNH BỀN VỮNG CỦA ĐỀ ÁN	27
1. Hiệu quả của Đề án	27
2. Tính bền vững của Đề án	27

PHẦN THỨ BA:	29
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	29
1. Hội LHPN Việt Nam	29
2. Bộ Tài chính	29
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư	29
4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	29
5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	29
6. Bộ Khoa học và Công nghệ	30
10. Hội nữ trí thức	30
11. Ủy ban Nhân dân các tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:	30

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
Bộ KH&ĐT	Bộ Kế hoạch và đầu tư
Bộ KH&CN	Bộ Khoa học và công nghệ
CLB	Câu lạc bộ
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
DN	Doanh nghiệp
HLHPN	Hội Liên hiệp phụ nữ
KTTT	Kinh tế tập thể
TCVM	Tài chính vi mô
THT/HTX	Tổ hợp tác/Hợp tác xã
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

PHẦN THỨ NHẤT:
CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng;
- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011); Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 có hiệu lực ngày 01/01/2014;
- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước;
- Nghị quyết 26-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.
- Kết luận 56-KL/TW về ngày 21/2/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;
- Luật Bình đẳng giới (số 73/2006/QH11); Nghị định số 70/2008/NĐ-CP về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bình đẳng giới; Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới; Nghị định số 55/2009/NĐ-CP về xử lý vi phạm hành chính về bình đẳng giới;
- Luật Hợp tác xã năm 2012 (số 23/2012/QH13); Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Chỉ thị 19/CT-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2015 về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Hợp tác xã; Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Luật Đầu tư (Số 67-2014-QH13); Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư là Nghị định 118 (2015); Nghị định 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;
- Luật Doanh nghiệp (Số 68-2014-QH13); Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp gồm: Nghị định 96/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp; Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 về việc hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp;
- Quyết định số 2195/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam đến năm 2020.

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Thông báo số 223/TB-VPCP ngày 8 tháng 8 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với Đoàn Chủ tịch TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam ngày 9/7/2016.

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Bối cảnh quốc tế

Tổng quan tình hình kinh tế thế giới trong những năm gần đây cho thấy “nền kinh tế toàn cầu đang có xu hướng hồi phục rõ nét, tuy tốc độ còn chậm và không đồng đều”. Các biến cố chính trị như cuộc khủng hoảng Ukraine, bất ổn tại một số nước có mức thu nhập trung bình, quá trình tái cân đối tại Trung Quốc, tốc độ tái cơ cấu chậm chạp và hạn chế năng lực... đã kéo tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển xuống dưới 5% trong năm 2014 và đây cũng là năm thứ 3 liên tiếp tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển tụt xuống dưới mức này¹.

Trong bối cảnh đó, không thể phủ nhận sự đóng góp của các doanh nghiệp vào quá trình phục hồi và phát triển nền kinh tế mỗi quốc gia trên thế giới. Đặc biệt, người ta nói nhiều đến tinh thần khởi nghiệp và hiện thực hóa tinh thần khởi nghiệp với sự ra đời của các doanh nghiệp khởi nghiệp (start-up). Kinh nghiệm của các quốc gia được coi là thành công trong xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp cho thấy phải có sự ủng hộ, đầu tư nhiều mặt của chính phủ; sự tham gia tích cực của các tổ chức kinh tế, các quỹ hỗ trợ và cá nhân đầu tư cho khởi nghiệp.

Kinh nghiệm của Isarel² liên quan đến thành tích xây dựng quốc gia khởi nghiệp được cả thế giới công nhận là sự đầu tư của Chính phủ trong ban hành các nhóm chính sách cụ thể; sự kinh doanh năng động, sự hỗ trợ mạnh mẽ của các quỹ khởi nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm tạo ra sức sáng tạo mạnh mẽ trong môi trường kinh doanh của đất nước. Sự kết nối nhanh chóng với các nguồn lực đầu tư quốc tế khi có ý tưởng kinh doanh hay, sự chào đón rộng rãi các quốc gia đến đầu tư, rút kinh nghiệm cho lần đầu tư tiếp theo cũng là những bài học quý mà những người Do Thái đã đúc kết. Kinh nghiệm của bang Ohio, Mỹ³ về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp trong vòng 10 năm qua cũng là những bài học quan trọng trong xây dựng quốc gia khởi nghiệp của Việt Nam.

Để phát triển doanh nghiệp nữ, các nước EU và 18 quốc gia trên thế giới đã có các quy định cụ thể liên quan đến DN do phụ nữ làm chủ; Một số nước có luật riêng dành cho DNNVV do phụ nữ làm chủ: Hàn Quốc (Luật hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ được thông qua năm 2009); Philippines (Luật Cộng hòa 7882 về

¹ Nguyễn Mạnh Hùng (2014), “Cập nhật tình hình kinh tế thế giới và một số vấn đề quốc tế nổi bật”

² Theo <http://vov.vn/khoi-nghiep/viet-nam-hoc-gi-tu-kinh-nghiem-khoi-nghiep-cua-israel-552523.vov>

³ Theo <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=112&CategoryID=43&News=9916>

hỗ trợ phụ nữ trong các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ); Mỹ (Luật sở hữu DN nữ 5050 năm 1988)...

2. Bối cảnh trong nước

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế toàn cầu, nhưng Việt Nam vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng năm 2015 là 6,68% - lần đầu tiên nhiệm kỳ 5 năm đạt cao hơn kế hoạch (6,2%); đã đàm phán/ ký kết được nhiều hiệp định thương mại tự do; môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện... Tất cả những điểm sáng đó đã góp phần ổn định kinh tế vĩ mô trong năm 2015⁴ và tạo đà cho những năm tiếp theo.

Liên quan đến thực trạng khởi nghiệp, Báo cáo về Chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2014⁵ cho thấy: Trong số 12 chỉ số về điều kiện kinh doanh, ba chỉ số mà Việt Nam có thứ hạng cao nhất là: Năng động của thị trường nội địa (6/73), Văn hóa và chuẩn mực xã hội (17/73), Chính sách Chính phủ (20/73). Ba chỉ số Việt Nam có thứ hạng thấp nhất là: Giáo dục sau phổ thông (58/73), Chương trình hỗ trợ của Chính phủ (54/73), Độ mở của thị trường nội địa (52/73). Những chỉ số nói trên cho thấy những dấu hiệu lạc quan hơn khi hầu hết các chỉ số đánh giá về tinh thần khởi nghiệp kinh doanh của người trưởng thành tại Việt Nam đều có xu hướng tăng lên.

Gần đây nhất trong báo cáo “Môi trường kinh doanh 2017: Cơ hội bình đẳng cho mọi người” (năm 2016) do Ngân hàng Thế giới (WB) thực hiện dựa trên 190 nền kinh tế, Việt Nam xếp hạng 82 trong tổng số 190 nền kinh tế được khảo sát về mức độ cải thiện môi trường kinh doanh. Như vậy, so với năm 2015, thứ hạng của Việt Nam đã tăng 9 bậc, nhờ sự chuyển biến tích cực trong các tiêu chí thương mại biên mậu, đóng thuế, đặc biệt là bảo vệ nhà đầu tư nhỏ lẻ. Các tiêu chí về sự thụt lùi là xin giấy phép xây dựng, vay vốn, và đáng chú ý là thành lập doanh nghiệp, giảm tới 10 thứ hạng.

Theo bảng xếp hạng, về môi trường khởi nghiệp, Việt Nam xếp thứ 121 trên tổng số 190 nền kinh tế, tăng tới 10 bậc so với bảng xếp hạng năm 2015. So với các nước trong khu vực, chỉ số này của Việt Nam tuy xếp sau Thái Lan (thứ 78) và Malaysia (112), nhưng vẫn trên các nước như Trung Quốc, Indonesia, Lào, Philippines...

3. Thực trạng phát triển doanh nghiệp tại Việt Nam

3.1 Các chủ trương chính sách, giải pháp thúc đẩy phát triển doanh nghiệp

Các chủ trương, chính sách, luật pháp hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp được Chính phủ quan tâm xây dựng và triển khai thực hiện. Năm 2009, Chính phủ ban hành Nghị định số 56/2009/NĐ-CP về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Năm 2011, ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ

⁴ https://kinhtrunguoc.vn/thong-tin-chuyen-de/-/view_content/content/241867/thuc-%C4%91ay-tinh-than-khoi-nghiep-quoc-gia

⁵ VCCI (2015), Báo cáo chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2014, NXB Thông Tấn, tr.8

Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Năm 2014, ban hành Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng đã có quan điểm “Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp tư nhân, làm động lực nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế”.

Năm 2016, Chính phủ thể hiện sự quyết tâm mạnh mẽ trong xây dựng quốc gia khởi nghiệp bằng việc ban hành nhiều chính sách và kế hoạch hành động. Nghị quyết số 35/NQ - CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đã đặt ra mục tiêu đến năm 2020, xây dựng doanh nghiệp Việt Nam có năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững, cả nước có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp hoạt động. Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

Trong việc tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa: Chính phủ đã có những giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp trong tiếp cận tín dụng như: giảm lãi suất cho vay, đặc biệt với doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn; đổi mới, cải tiến qui trình, thủ tục vay vốn; cho vay liên kết theo chuỗi giá trị; phát triển các mô hình tài chính vi mô; triển khai chương trình kết nối doanh nghiệp – ngân hàng... Chính phủ cũng đã xây dựng các Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận tín dụng như Quỹ bảo lãnh tín dụng, Quỹ tương hỗ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ đầu tư khởi nghiệp... Ngoài ra, Dự thảo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng đã đưa ra các điều khoản liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng từ các Ngân hàng, các Quỹ...

Có thể khẳng định Đảng, Chính phủ và toàn xã hội đã đánh giá đúng vai trò, vị trí của doanh nghiệp trong đó có doanh nghiệp nữ. Cam kết chính trị mạnh mẽ đó được thể hiện ở việc yêu cầu các bộ/ngành đổi mới, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi nhất cho doanh nghiệp phát triển.

3.2 Kết quả

Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê, năm 2016 có 110.100 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với tổng vốn đăng ký của các doanh nghiệp này là 891.094 tỷ đồng, tăng 16,2% về số doanh nghiệp và tăng 48,1% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2015. Số vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 8,09 tỷ đồng, tăng 9,9% so với năm trước. Số lao động đăng ký được tạo việc làm của các doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2016 là gần 1.3 triệu người.

Năm 2016, số doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng hoạt động của cả nước là 32.395 doanh nghiệp, trong đó tạm ngừng hoạt động là 19.917 doanh nghiệp, tăng 27,3% so với năm 2015, giải thể là 12.478 doanh nghiệp, tăng 31,8% so với năm 2015.⁶ Đến 31/12/2016, số doanh nghiệp đang hoạt động của cả nước khoảng gần 480 ngàn doanh nghiệp, tăng 8% so với năm 2015. Như vậy, với tín hiệu khả quan

⁶<http://kinhtevdubao.vn/chi-tiet/146-8161->

của nền kinh tế đã tạo thêm cơ hội đầu tư, kinh doanh cho các doanh nghiệp, với xu hướng tăng lên rõ rệt của các doanh nghiệp thành lập mới. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp gặp khó khăn, tạm ngừng hoạt động và giải thể vẫn còn lớn, tính trung bình cứ 2 doanh nghiệp thành lập mới lại có 1 doanh nghiệp gặp khó khăn, tạm ngừng hoạt động.

Các loại hình kinh tế tập thể và hộ kinh doanh cá thể vẫn còn nhiều điểm hạn chế⁷: Quy mô hoạt động nhỏ, năng lực điều hành yếu, tính cạnh tranh thấp được thể hiện thông qua các chỉ số sau: Vốn điều lệ bình quân của HTX là 1,354 triệu đồng; Doanh thu ước tính đạt gần 3 tỷ đồng/năm; Lợi nhuận bình quân đạt 261 triệu đồng/năm; Thu nhập bình quân của người lao động đạt 1,7 triệu đồng/người/tháng; Chỉ có 10% số HTX cung cấp được dịch vụ đầu ra cho thành viên và số HTX tiếp cận với dịch vụ tín dụng đạt 4,7%.

Theo báo cáo khảo sát của Global Entrepreneur Index 2016, điểm hạn chế chủ yếu của Việt Nam và doanh nghiệp Việt Nam là khả năng chấp nhận rủi ro thấp, thiếu văn hóa hỗ trợ đối với những ý tưởng khác biệt, mạo hiểm và sự thất bại; môi trường cạnh tranh không cao và chậm đổi mới môi trường kinh doanh;

4. Thực trạng các hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp

4.1 Chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp do nữ làm chủ

Hiện nay, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách cho lao động nữ và doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ. Tuy nhiên, chưa có chính sách dành riêng cho doanh nghiệp do nữ làm chủ. Hiện nay, việc quan tâm, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ mới chỉ có một số chương trình, dự án thí điểm trong phạm vi hẹp: Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015 phê duyệt một tiểu dự án hỗ trợ riêng cho phụ nữ khởi nghiệp thông qua các hoạt động đào tạo, cho mượn địa điểm, giúp quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, cho vay vốn ưu đãi. Kết quả, đã có 300 phụ nữ thuộc 7 tỉnh, thành phố được đào tạo về khởi sự kinh doanh và quản lý doanh nghiệp.

Có thể nói, chính sách của Việt Nam hỗ trợ phát triển doanh nghiệp hiện nay đều đang trung tính giới, chưa thực sự quan tâm ưu tiên phụ nữ để góp phần nâng cao quyền năng kinh tế, thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh doanh cũng như phát triển doanh nghiệp.

4.2 Kết quả phát triển doanh nghiệp do nữ làm chủ

Ở Việt Nam, chưa có quy định cụ thể về khái niệm doanh nghiệp do nữ làm chủ. Chính vì vậy, Đề án sử dụng định nghĩa của Ngân hàng Thế giới: doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là doanh nghiệp do phụ nữ làm công tác quản lý điều hành hàng ngày.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, hiện có 25% các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) do phụ nữ làm chủ trong số các DNNVV đang hoạt động ở Việt Nam năm 2013. Tỷ lệ này thay đổi theo chiều hướng tăng nhưng không đáng kể trong vòng

⁷ Báo cáo đề tài nghiên cứu đề xuất chính sách và giải pháp phát triển HTX nông, lâm, ngư nghiệp, 2015; Viện chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn – Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn

5 năm trở lại đây; đặc biệt tỷ lệ doanh nhân nữ trong các doanh nghiệp có quy mô lớn là thấp hơn rất nhiều so với nam giới. Báo cáo nghiên cứu về “DNNVV do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách”⁸ trên cơ sở hợp tác giữa Dự án Sáng kiến hỗ trợ khu vực tư nhân vùng Mê Kông (MBI), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và Hội nữ Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội (HAWASME) nhận định các DNNVV do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam có một số điểm nổi bật sau:

- DNNVV phụ nữ làm chủ thường tập trung ở các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ và nhỏ; phần lớn thuộc lĩnh vực dịch vụ (61,4%), chỉ có 1% thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

- Tỷ lệ DNNVV do phụ nữ làm chủ giảm dần khi quy mô doanh nghiệp lớn dần. (có 26,8% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nhưng giảm chỉ còn 13,6% doanh nghiệp có quy mô lớn do phụ nữ làm chủ).

- DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam hiện đang đóng một vai trò quan trọng, thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất, DNNVV do phụ nữ làm chủ chiếm 25% trong số DNNVV đang hoạt động tại Việt Nam.

Thứ hai, DNNVV do phụ nữ làm chủ đã tạo việc làm cho hơn 1,63 triệu lao động, chiếm gần 14,5% tổng việc làm trong các DNNVV, trong đó có 746,3 ngàn lao động nữ, chiếm 15% tổng lao động nữ làm việc trong các DNNVV.

Thứ ba, DNNVV do phụ nữ làm chủ có tỷ lệ lao động nữ cao hơn so với các DNNVV do nam giới làm chủ. (DNNVV do nữ làm chủ sử dụng 43,4% lao động nữ, so với DNNVV do nam làm chủ là 36%). Tạo việc làm cho lao động nữ đóng góp về mặt kinh tế và xã hội, nâng cao vị thế của phụ nữ, đảm bảo bình đẳng giới, thúc đẩy đầu tư cho trẻ em gái.

Thứ tư, DNNVV do phụ nữ làm chủ đóng góp tích cực cho ngân sách nhà nước: nộp ngân sách nhà nước khoảng 61,8 ngàn tỷ đồng (năm 2013). (nộp ngân sách nhà nước tính trên một lao động cao hơn các DNNVV do nam làm chủ).

Thứ năm, DNNVV do phụ nữ làm chủ đã tạo thu nhập đáng kể cho người lao động. Cụ thể, các doanh nghiệp này đã giúp tạo ra 4,8 ngàn tỷ đồng thu nhập cho người lao động, chiếm tới 24,2% tổng thu nhập của người lao động trong các DNNVV ở năm 2013.

Thứ sáu, DNNVV do phụ nữ làm chủ thực hiện chính sách và trách nhiệm xã hội tốt; thu hút tỷ lệ lao động nữ; có tỷ lệ lao động được đóng bảo hiểm xã hội cao hơn các DNNVV do nam làm chủ.

4.3 Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

DNNVV do phụ nữ làm chủ có vai trò quan trọng đối với giải quyết việc làm, tạo thu nhập, nâng cao vị thế phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới. Tuy nhiên, bản thân các DNNVV do phụ nữ làm chủ gặp nhiều trở ngại trong quá trình hình

⁸ ADB, MBI, HAWASME (2016), “Báo cáo nghiên cứu về DNNVV do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách”

thành và phát triển. Theo “Báo cáo nghiên cứu về DNNVV do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách”,⁹ một số khó khăn, hạn chế và nguyên nhân đối với DNNVV do phụ nữ làm chủ được chỉ ra như sau:

- *Thứ nhất, thiếu kiến thức kỹ năng* bao gồm kiến thức quản trị doanh nghiệp, nhân sự, tài chính, marketing,....

- *Thứ hai, khó tiếp cận các nguồn lực và thị trường* do không có tài sản sản thế chấp phù hợp, hoặc không có sự ủng hộ của người chồng và gia đình trong quá trình vay vốn.

- *Thứ ba, ít có cơ hội tham gia xúc tiến thương mại* do các doanh nhân nữ ít thông tin hơn do họ có ít mối quan hệ và ít “giao lưu” hơn các đồng nghiệp nam.

- *Thứ tư, bất lợi trong xây dựng và phát triển mạng lưới kinh doanh.* Điều này là rất rõ trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam khi thị trường chưa đầy đủ và nền kinh tế thị trường còn ở giai đoạn ban đầu.

- *Thứ năm:* Khả năng liên kết, hợp tác của nữ giới trong khởi sự kinh doanh thấp hơn so với nam giới (Theo tạp chí Forbes Việt Nam tháng 3/2016, tỷ lệ nhóm phụ nữ sáng lập kinh doanh từ 3 người trở lên chỉ đạt 5,5% so với nam giới tỷ lệ này là 15,7%).

Ngoài ra, nữ doanh nhân còn phải cân bằng công việc quản lý doanh nghiệp với gia đình và phải vượt qua những trở ngại văn hóa. Dù đã được cải thiện vẫn còn tồn tại tư tưởng “trọng nam, khinh nữ” ở Việt Nam, coi việc kinh doanh không phải là việc của phụ nữ. Vai trò và trách nhiệm của phụ nữ bị gán nhiều hơn với thiên hướng gia đình; với thiên chức sinh đẻ và chăm sóc con cái. Điều này khiến nữ doanh nhân có ít thời gian hơn nam doanh nhân trong việc kinh doanh, ảnh hưởng tới sự phát triển của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam đã đóng góp tích cực cho giải quyết việc làm, tăng thu nhập, đóng góp cho ngân sách nhà nước và tăng trưởng kinh tế, tăng vị thế của phụ nữ và giảm bất bình đẳng giới. Tuy nhiên, hiện nay DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam có những hạn chế nhất định trong phát triển bởi những trở ngại nêu trên.

5. Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ của Hội LHPN Việt Nam

5.1 Đào tạo kiến thức kinh doanh và nghề nghiệp cho phụ nữ

- Kết quả:

+ Hoạt động đào tạo về doanh nghiệp, doanh nhân được Hội LHPN Việt Nam quan tâm chỉ đạo và triển khai. TW Hội đã tổ chức các lớp tập huấn kiến thức khởi sự và quản trị doanh nghiệp cho hàng ngàn phụ nữ mong muốn khởi sự doanh nghiệp, phát triển kinh tế gia đình và nữ đang quản lý điều hành sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp vừa và nhỏ và cực nhỏ; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý các hợp tác xã/ tổ hợp tác do các cấp Hội hỗ trợ thành lập. Hội LHPN tỉnh/thành đã phối hợp tổ chức nhiều lớp tập huấn kiến thức

⁹ ADB, MBI, HAWASME (2016), “Báo cáo nghiên cứu về DNNVV do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách”

kinh tế tập thể gắn với xây dựng nông thôn mới, kỹ năng điều hành tổ chức hoạt động hợp tác xã, tổ hợp tác, chuỗi giá trị, hạch toán kinh doanh, tiếp cận thị trường, kiến thức khởi sự, quản trị, phát triển doanh nghiệp, kỹ năng marketing... cho cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác. Tổ chức gần 4 ngàn lớp tập huấn cho trên 300 ngàn doanh nhân nữ và nữ tiểu thương về khởi sự doanh nghiệp, kỹ năng lập dự án, thiết kế cải tiến sản phẩm, kiến thức du lịch, giao tiếp kinh doanh, quản trị kinh doanh, marketing, quản trị tài chính...

+ Tại Học viện Phụ nữ Việt Nam (nâng cấp từ Trường Cán bộ Phụ nữ TW theo Quyết định 1558/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính Phủ), được sự hỗ trợ của tổ chức Nuffic, Hà Lan, Học viện đã tiến hành chiêu sinh và đào tạo được hơn 400 doanh nhân nữ trong giai đoạn từ 2006-2009, đào tạo cho hơn 700 huấn luyện viên và đào tạo lại cho khoảng 7.000 phụ nữ tại các địa phương trong giai đoạn từ 1997-2008. Từ năm 2013, Học viện Phụ nữ Việt Nam đào tạo cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh. Các hoạt động đào tạo ở trình độ cử nhân đã chú trọng đến việc xây dựng mô hình kết nối giữa đào tạo và thực hành, thực tiễn ngay từ năm đầu tiên với việc thành lập Mạng lưới doanh nhân VWA và Câu lạc bộ Vườn ươm doanh nhân VWA, các hoạt động hội thảo, cuộc thi ý tưởng kinh doanh, thực hành kinh doanh ngay trong quá trình học.

+ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010 - 2015” (Quyết định 295) được các cấp, các ngành và Hội triển khai có hiệu quả:

Các cấp Hội thực hiện tốt với vai trò tham mưu tỷ lệ nữ tham gia thụ hưởng chính sách học nghề của Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Kết quả, lao động nữ nông thôn chiếm 45,8% tổng số người được hỗ trợ học nghề; tỷ lệ học sinh nữ học trung cấp nghề, cao đẳng nghề chiếm 25,6% tổng số học sinh học nghề.

Các cấp Hội, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Hội tham gia phối hợp dạy nghề và trực tiếp đào tạo nghề cho trên 1 triệu phụ nữ, tỷ lệ có việc làm sau học nghề là 81%. Công tác dạy nghề của Hội tập trung hướng đến phụ nữ khó khăn, phụ nữ nghèo, phụ nữ cận nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số; giúp chị em tham gia học nghề, hành nghề, tăng thu nhập, góp phần thực hiện chỉ tiêu quốc gia về đào tạo nghề, giải quyết việc làm và hiện chính sách an sinh xã hội của Đảng, Nhà nước. Điểm đặc biệt và cũng là nhân tố tạo nên thành công trong hoạt động dạy nghề của các cấp Hội là sự gắn kết giữa doanh nghiệp và hỗ trợ hình thành các mô hình sản xuất liên kết như THT/HTX.

- Hạn chế:

+ Lồng ghép giới chưa thực sự có hiệu quả trong các chương trình, nội dung đào tạo;

+ Năng lực của đơn vị tổ chức đào tạo, tư vấn còn hạn chế về giảng viên (số lượng, chất lượng), cơ sở vật chất;

+ Các hoạt động đào tạo của Hội chưa phối hợp đồng bộ và chưa sử dụng hiệu quả nguồn lực của Chính phủ và các bộ ngành;

+ Hoạt động đào tạo của Hội chưa gắn kết với việc hỗ trợ các dịch vụ khác (khoa học công nghệ, tài chính....) cho doanh nghiệp nữ, phụ nữ có nhu cầu khởi nghiệp nên hiệu quả chưa cao;

+ Số lượng DN do phụ nữ làm chủ, phụ nữ được đào tạo qua hệ thống Hội còn thấp.

5.2 Hoạt động hỗ trợ vốn/ tiếp cận tín dụng

- Kết quả:

+ Là tổ chức tiên phong trong cung cấp dịch vụ TCVM, Hội LHPN Việt Nam đã có nhiều đóng góp cho công cuộc xóa đói giảm nghèo và thúc đẩy phát triển kinh tế cho phụ nữ nghèo và khu vực nông thôn. Khoảng 4 triệu phụ nữ nghèo và cận nghèo, phần lớn ở các khu vực nông thôn và vùng sâu vùng xa, đã được tiếp cận với các khoản tín dụng.

+ Hội đã xây dựng Định hướng Chiến lược phát triển TCVM với quan điểm hoạt động TCVM phải đảm bảo sự cân bằng giữa nâng cao tính “xã hội” và tính “bền vững tài chính”; phát huy lợi thế mạng lưới tổ chức Hội, đảm bảo tính chuyên nghiệp, thống nhất ở từng cấp và tiến tới thống nhất trong toàn hệ thống Hội theo một chuẩn mực, quy trình tốt nhất.

Mục tiêu tổng quát Chiến lược hoạt động TCVM của Hội: Xây dựng và phát triển hoạt động TCVM chuyên nghiệp, hiệu quả, đóng vai trò chủ đạo trong ngành TCVM Việt Nam vì sự phát triển của phụ nữ thông qua nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ, chú trọng phụ nữ nghèo, phụ nữ yếu thế, góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Do vậy, ngoài kênh tín dụng từ các Ngân hàng Thương mại, các hoạt động TCVM hiện nay của Hội được triển khai rộng khắp, tạo thành kênh tín dụng quan trọng tại cộng đồng, hàng năm giúp hơn 2,5 triệu phụ nữ nghèo, cận nghèo được vay vốn. Ở cấp TW, có 01 Tổ chức TCVM chính thức: Tổ chức TCVM TNHH một thành viên Tình thương (TYM), Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo; đồng thời có 02 Quỹ hỗ trợ tín dụng và Quỹ bảo hiểm vi mô đang được Chính phủ cho phép thí điểm; trong đó TYM đã phát triển sản phẩm tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và cực nhỏ (nhóm đối tượng khó khăn nhất trong tiếp cận tín dụng từ Ngân hàng chính thức). Ở các cấp Hội, hiện có 23 Quỹ xã hội đang cung cấp dịch vụ TCVM cho hàng trăm ngàn phụ nữ, với tổng dư nợ hơn 1.000 tỷ đồng.

- Hạn chế:

+ Hiện nay quy định pháp luật cho các tổ chức tài chính vi mô và các chương trình, dự án hoạt động về tài chính chưa đầy đủ và hoàn thiện; Thực tế, 23 quỹ hoạt động trong lĩnh vực TCVM phải vận dụng một số quy định dành cho quỹ xã hội, từ thiện nên chưa phù hợp với bản chất hoạt động;

+ Năng lực của cán bộ điều hành quản lý các chương trình hoạt động của các tổ chức TCVM, các chương trình hoạt động TCVM còn hạn chế;

+ Nhà nước chưa có cơ chế tạo kênh hỗ trợ vốn cho các tổ chức TCVM, các chương trình dự án để mở rộng quy mô và địa bàn hoạt động;

+ Các tổ chức TCVM, các chương trình dự án hoạt động TCVM không vì mục tiêu lợi nhuận nhưng chưa được thụ hưởng các chính sách đào tạo, chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ;

+ Hoạt động TCVM của các cấp Hội còn manh mún, nhỏ lẻ, chưa có sự đồng bộ, thống nhất về cơ chế quản lý, điều hành.

5.3 Tổ chức các hoạt động tôn vinh, khích lệ sự sáng tạo, ý tưởng kinh doanh của phụ nữ

- Kết quả:

+ “Ngày Phụ nữ Sáng tạo” do Hội LHPN Việt Nam chủ trì được tổ chức 2 năm một lần nhằm khơi dậy và tôn vinh khả năng sáng tạo trên mọi lĩnh vực của phụ nữ Việt Nam. Qua 3 kỳ thực hiện, từ năm 2011 đến nay, đã có gần 600 ý tưởng, kết quả sáng tạo của phụ nữ được tuyên truyền nhân rộng.

+ “Ngày Phụ nữ Sáng tạo” đã lựa chọn những ý tưởng tiêu biểu xuất sắc để hỗ trợ kinh phí hiện thực hóa nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh hiệu quả, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Hạn chế:

+ Số lượng phụ nữ có sản phẩm, ý tưởng tham gia “Ngày phụ nữ sáng tạo” còn khiêm tốn so với tiềm năng của phụ nữ Việt Nam.

+ Sự kiện “Ngày Phụ nữ sáng tạo” chưa được tổ chức định kỳ hàng năm do nguồn lực của Hội còn hạn chế. Trong 3 lần tổ chức sự kiện, chỉ có một lần Hội đã hỗ trợ hiện thực hóa 8 ý tưởng sáng tạo và kinh phí hỗ trợ chưa được nhiều.

+ Hội chưa có điều kiện để nuôi dưỡng, hỗ trợ những ý tưởng sáng tạo theo chuỗi hoạt động khép kín để thành lập những mô hình doanh nghiệp khởi nghiệp và hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển bền vững.

+ Năng lực cán bộ Hội chưa đáp ứng yêu cầu trong việc triển khai hoạt động này; chưa thực sự tạo được sự quan tâm, hỗ trợ về nguồn lực của các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

5.4 Phát triển mạng lưới Hiệp hội/Hội/CLB doanh nhân nữ:

- Kết quả:

+ Hội LHPN Việt Nam đã hỗ trợ xúc tiến thành lập Hiệp hội nữ doanh nhân Việt Nam (10/2014), đây là sự kiện đánh dấu sự hiện diện chính thức của một tổ chức có tư cách pháp nhân dành riêng cho nữ doanh nhân Việt Nam.

+ Hiện nay, cả nước có 538 hiệp hội/hội/CLB nữ doanh nhân từ cấp TW, tỉnh/thành và huyện với số thành viên tham gia hơn 10 ngàn nữ doanh nhân. Các hoạt động của các hiệp hội/hội/CLB nữ doanh nhân phát triển mạnh, góp phần quan trọng hỗ trợ, động viên, khích lệ chị em nữ doanh nhân năng động sáng tạo, phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho người lao động, góp phần xóa đói, giảm nghèo, đóng góp vào thành tựu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

- Hạn chế:

+ Tại các tỉnh/ thành Hội, chủ yếu thành lập các câu lạc bộ nữ doanh nhân; Chỉ có 14/63 tỉnh thành thành lập Hiệp hội Doanh nhân nữ.

+ Chất lượng hoạt động của các câu lạc bộ, hiệp hội còn hạn chế, chưa thực sự làm tốt vai trò tác động chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý điều hành và hỗ trợ kết nối thị trường.

+ Tỷ lệ doanh nhân nữ tham gia vào các câu lạc bộ và hiệp hội còn quá thấp, hiện nay có 7% trong tổng số doanh nghiệp nữ của cả nước.

Từ căn cứ lý luận và thực tiễn ở Việt Nam có thể thấy thực trạng phát triển doanh nghiệp Việt Nam đang đặt ra nhiều vấn đề đáng quan tâm, trong đó phải kể đến tỷ lệ khởi nghiệp thấp, năng lực quản lý của chủ doanh nghiệp chưa đáp ứng, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp chậm được cải thiện. Mức bình quân doanh nghiệp trên đầu người của Việt Nam được xếp vào nhóm thấp nhất thế giới. Đặc biệt, trong đó, sự tham gia của phụ nữ còn khá khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng của họ. Báo cáo khảo sát cho thấy phụ nữ và nam giới có tỷ lệ ngang nhau về mong muốn khởi nghiệp, song cơ hội phát triển doanh nghiệp vẫn chưa đồng đều xét về bình đẳng giới¹⁰ (doanh nghiệp nữ là 37.5% trong khi doanh nghiệp do nam giới làm chủ là 42%); Tỷ lệ doanh nghiệp nữ ngừng hoạt động cao hơn so với nam giới¹¹ (doanh nghiệp nữ 2% trong khi doanh nghiệp nam là 1,6%).

6. Khái niệm khởi nghiệp của Đề án

Trên thế giới có rất nhiều khái niệm khác nhau về khởi nghiệp.

Theo Neil Blumenthal, Đồng Giám đốc điều hành của Warby Parky được trích dẫn trên tạp chí Forbes thì : “*A startup is a company working to solve a problem where the solution is not obvious and success is not guaranteed.*” (tạm dịch: Startup là một công ty hoạt động nhằm giải quyết một vấn đề mà giải pháp (đối với vấn đề đó) chưa rõ ràng và sự thành công không được đảm bảo). Còn Eric Ries, tác giả cuốn sách “The Lean Startup: How Constant Innovation Creates Radically Successful Businesses” - một cuốn sách được coi là “cẩm nang gối đầu giường” của mọi công ty startup, thì: *A startup is “a human institution designed to create new products and services under conditions of extreme uncertainty”* (tạm dịch: startup “là một định chế/tổ chức con người được thiết kế nhằm mục đích tạo ra những sản phẩm và dịch vụ mới trong các điều kiện cực kỳ không chắc chắn”).

Startup theo định nghĩa của Steve Blank¹² là một tập hợp của các nguồn lực tạm thời (nhân lực, tiền, thời gian...) để đi tìm kiếm một mô hình kinh doanh mới và nhanh chóng xây dựng thành một tổ chức/doanh nghiệp đạt quy mô, đồng thời có khả năng lặp lại hay nhân rộng tại các thị trường khác nhau; Và thường tận dụng công nghệ để tạo lợi thế cạnh tranh (Temporary – Searching profitable - Repeatable & Scalable).

Định nghĩa này đã bao hàm việc Startup có thể chưa phải là một doanh nghiệp và việc đi tìm kiếm mô hình kinh doanh mới đồng nghĩa với việc mỗi Startup thường không có tiền lệ. Thực tế cho thấy những Startup thành công nhất thường không có tấm gương nào để so sánh, đánh giá hay để ước lượng được khả

¹⁰ Nguồn Gem Women’s special report công bố tháng 10/2015 – tạp chí Forbes Việt Nam, tháng 3.2016

¹¹ Nguồn Gem Women’s special report công bố tháng 10/2015 – tạp chí Forbes Việt Nam, tháng 3.2016

¹² Steve Blank and Bob Dorf, The Startup Owner's Manual, steveblank.com

năng thành công. Do đó, lựa chọn đầu tư cho Startup nào thực sự là quyết định rất khó khăn cho nhà đầu tư.

Tại Việt Nam, khái niệm “khởi nghiệp” tại nước ta trong cộng đồng startup không nhất quán với khái niệm thế giới. Khái niệm này được đa phần mọi người hiểu theo nghĩa là bắt đầu kinh doanh, mục đích là tạo ra việc làm và thu nhập cho người lao động. Điều này được thể hiện rõ khi Nhà nước tổ chức chương trình “Quốc gia khởi nghiệp” đặt mục tiêu đến năm 2020 tạo thêm 500.000 doanh nghiệp mới.

Song cũng có quan điểm khởi nghiệp được hiểu là **người sáng tạo hay khởi sự một doanh nghiệp mới mang lại sản phẩm, dịch vụ mới do áp dụng Khoa học công nghệ mới.**

Ở Đề án này, **Phụ nữ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp** được hiểu là cá nhân/nhóm phụ nữ/ tổ chức do phụ nữ làm chủ sáng tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới và bán ra thị trường để có doanh thu, lợi nhuận cho chính bản thân cá nhân/nhóm phụ nữ/ tổ chức/ người lao động, góp phần phát triển kinh tế và xã hội.

Hiện nay, ở Việt Nam phát triển hợp tác xã là hình thức tổ chức sản xuất phù hợp để giúp các hộ nông dân cá thể, quy mô nhỏ cạnh tranh tốt hơn trong nền kinh tế thị trường. Vì vậy, phát triển, củng cố kinh tế hợp tác hoạt động hiệu quả là cần thiết, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế tập thể của Đảng và Nhà nước. Việc ban hành các chính sách, cơ chế để hỗ trợ phụ nữ khởi sự và phát triển doanh nghiệp là nhu cầu cấp thiết trong thời gian tới. Mặt khác, hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi sự và phát triển kinh doanh phải được thực hiện ở nhiều quy mô, cấp độ khác nhau phù hợp với từng loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp phát triển bền vững cần có sự kết nối chặt chẽ của 3 loại hình kinh tế: kinh tế hộ gia đình, kinh tế hợp tác và doanh nghiệp. Do đó, việc hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp phải được thực hiện đồng bộ trong từng hoạt động, giải pháp nhằm thúc đẩy kinh tế hộ, kinh tế hợp tác, doanh nghiệp cùng nhau phát triển thông qua chuỗi giá trị sản phẩm.

Đề án Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025 của Hội LHPN Việt Nam sẽ khuyến khích, thúc đẩy phụ nữ mạnh dạn bắt đầu công việc kinh doanh có thể dưới hình thức kinh tế hộ, HTX, doanh nghiệp hoặc phát triển quy mô, loại hình sở hữu thông qua áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ tạo ra sản phẩm, dịch vụ có giá trị cao.

Xuất phát từ thực tiễn và nhu cầu phát triển hội nhập kinh tế quốc tế, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam xây dựng Đề án “**Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017- 2025**” kính trình Thủ tướng Chính phủ.

PHẦN THỨ HAI:

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Quan điểm

(1) Khơi dậy tinh thần, sức mạnh nội lực của từng phụ nữ, mạnh dạn có ý tưởng, kế hoạch kinh doanh sáng tạo để khởi nghiệp thông qua các hoạt động truyền thông, tôn vinh...

(2) Các hoạt động của Đề án tập trung vào việc tối đa hóa sự trợ giúp nhằm hiện thực hóa các ý tưởng có tính sáng tạo được xuất phát từ nhu cầu nhằm giải quyết các vấn đề đang tồn tại của phụ nữ, của cộng đồng góp phần thực hiện quy hoạch phát triển ngành nghề, chuyên dịch cơ cấu kinh tế của địa phương.

(3) Quan tâm thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nữ, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, doanh nghiệp mới thành lập trong lĩnh vực phát triển kinh tế nông nghiệp và trên địa bàn nông thôn.

(4) Tăng cường sự phối hợp đồng bộ hiệu quả giữa các bộ, ngành và địa phương trong lĩnh vực hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhằm thực hiện tốt hơn các quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước.

(5) Đa dạng hóa nguồn lực trong nước và quốc tế trong quá trình triển khai thực hiện Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh thông qua việc cung cấp các dịch vụ có chất lượng, bền vững.

2. Mục tiêu

2.1 Mục tiêu chung

- Nâng cao hiểu biết của phụ nữ về chủ trương, chính sách pháp luật, các thành phần kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước liên quan đến phát triển nghề nghiệp, khởi nghiệp nhằm thay đổi nhận thức, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ.

- Thúc đẩy hiện thực hóa các ý tưởng kinh doanh và sự phát triển của các doanh nghiệp khởi nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp mới thành lập của phụ nữ thông qua chuỗi các dịch vụ hỗ trợ chất lượng, bền vững, góp phần thực hiện thành công mục tiêu quốc gia về phát triển doanh nghiệp và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới.

- Góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp đảm bảo bình giới trong lĩnh vực kinh tế.

2.2 Mục tiêu cụ thể

- Ít nhất 90% cán bộ Hội chuyên trách các cấp và cán bộ các bộ/ngành tham gia triển khai Đề án được nâng cao nhận thức, phương pháp hỗ trợ phụ nữ về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh.

- 70% hội viên phụ nữ được tuyên truyền, nâng cao nhận thức về việc làm, khởi nghiệp.
- Hỗ trợ 20.000 phụ nữ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp
- Phối hợp, hỗ trợ thành lập 1.200 HTX/THT do phụ nữ quản lý
- 100.000 doanh nghiệp của phụ nữ mới thành lập được tư vấn, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

II. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN, ĐỊA BÀN THỰC HIỆN

1. Đối tượng của Đề án

- Phụ nữ có ý tưởng khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp; phụ nữ có nhu cầu khởi sự kinh doanh; các THT/HTX, doanh nghiệp mới thành lập do phụ nữ làm chủ; các tổ chức TCVM của Hội; các Hiệp hội/Hội/CLB doanh nhân nữ, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc Hội. Đề án ưu tiên phụ nữ thuộc hộ nghèo, khó khăn, phụ nữ là người dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật, phụ nữ sống tại địa bàn khó khăn, địa bàn chuyển đổi đất nông nghiệp.

- Các bộ/ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân có liên quan tham gia thực hiện các hoạt động của Đề án.

2. Thời gian thực hiện Đề án: Từ năm 2017-2025.

3. Địa bàn thực hiện: tại cấp TW và 63 tỉnh/thành.

III. HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, vận động phụ nữ nâng cao nhận thức về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh; vai trò của phụ nữ đối với sự phát triển kinh tế.

1.1 Chỉ tiêu:

Giai đoạn 1(2017 – 2020):

- Ít nhất 90% cán bộ Hội chuyên trách các cấp và cán bộ các bộ/ngành tham gia triển khai Đề án được nâng cao nhận thức, phương pháp hỗ trợ phụ nữ về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh.

- 70% hội viên phụ nữ được tuyên truyền, nâng cao nhận thức về việc làm, khởi nghiệp.

- Xây dựng và duy trì ít nhất 01 chuyên mục về phụ nữ khởi nghiệp trên trang thông tin điện tử của Hội, trên Báo Phụ nữ Việt Nam (đăng tải tin bài hàng tuần, duy trì hàng năm).

- Xây dựng các mô hình thí điểm tuyên truyền tại cộng đồng trong 2 năm đầu ở 10 tỉnh đại diện cho vùng miền, tổng kết rút kinh nghiệm để triển khai trên diện rộng.

Giai đoạn 2 (2021 – 2025):

- Duy trì ít nhất 01 chuyên mục về phụ nữ khởi nghiệp trên trang thông tin điện tử của Hội, trên Báo Phụ nữ Việt Nam (đăng tải tin bài hàng tuần, duy trì hàng năm).

- Chỉ đạo nhân rộng mô hình thí điểm tại các tỉnh/thành.

1.2 Nội dung, giải pháp

a) Tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh; vai trò, vị trí của phụ nữ đối với sự phát triển kinh tế, kết quả thực hiện Đề án.

- Tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước; giới thiệu các sản phẩm, hàng hóa của phụ nữ mới khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ...

- Xây dựng và duy trì chuyên mục về phụ nữ khởi nghiệp; phát triển kinh doanh trên trang thông tin điện tử của Hội, Báo Phụ nữ Việt Nam, trên trang điện tử phunuvietsam online, các báo của các bộ ngành, địa phương.

b) Truyền thông trực tiếp tại cộng đồng về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh

- Xây dựng mô hình điểm tại 10 tỉnh/thành đại diện vùng miền, theo nhóm đối tượng, hình thức tuyên truyền, nội dung chính sách cụ thể, kết quả các gương điển hình thực hiện Đề án; sau 2 năm tổng kết rút kinh nghiệm để triển khai nhân diện.

- Lòng ghép truyền thông tại các cuộc sinh hoạt tổ/nhóm, Câu lạc bộ, các mô hình hoạt động của Hội.

1.3 Cơ quan phối hợp

- Bộ Thông tin và Truyền thông

- Các cơ quan tuyên truyền của TW

- Các bộ/ngành liên quan và UBND các tỉnh/thành.

1.4 Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí: **10, 380** tỷ đồng (Ngân sách TW), trong đó:

Giai đoạn 1: **7,53** tỷ đồng

Giai đoạn 2: **2,85** tỷ đồng

2. Hỗ trợ phụ nữ đổi mới sáng tạo phát triển kinh doanh và khởi nghiệp

2.1 Chỉ tiêu:

Giai đoạn 1(2017 - 2020):

- Hỗ trợ 7.500 phụ nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp;

- Các tỉnh /thành hỗ trợ thành lập tối thiểu 600 mô hình kinh tế tập thể (HTX/THT). Trong đó, có khoảng 200 HTX được các cấp Hội hỗ trợ thành lập tại các vùng miền;

- Nâng cao năng lực cho 700 lượt cán bộ Hội các cấp TW, tỉnh/thành và 40.000 doanh nghiệp do phụ nữ quản lý mới thành lập về kỹ năng kinh doanh, kỹ năng quản lý, điều hành, kết nối các đơn vị hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp.

Giai đoạn 2 (2021 - 2025):

- Tiếp tục hỗ trợ 12.500 phụ nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp;

- Các tỉnh/thành hỗ trợ thành lập tối thiểu 600 mô hình kinh tế tập thể (HTX/THT). Trong đó, có khoảng 200 HTX được các cấp Hội hỗ trợ thành lập tại các vùng miền;

- Nâng cao năng lực cho 300 lượt cán bộ Hội cấp TW, tỉnh/thành và 60.000 doanh nghiệp do phụ nữ quản lý mới thành lập về kỹ năng kinh doanh, kỹ năng quản lý, điều hành, kết nối các đơn vị hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp.

2.2 Nội dung, giải pháp

a) Hỗ trợ hiện thực hóa ý tưởng sáng tạo

- *Tổ chức Ngày Phụ nữ khởi nghiệp:*

+ Phát động Ngày Phụ nữ khởi nghiệp, lựa chọn thông điệp và chủ đề phù hợp với từng năm.

+ Hướng dẫn phụ nữ cách thức xây dựng ý tưởng kinh doanh, đề án để tham dự ngày phụ nữ khởi nghiệp và tìm kiếm nhà đầu tư.

+ Tiếp nhận các ý tưởng sáng tạo của phụ nữ đăng ký dự thi; sàng lọc, xét duyệt, phân loại các ý tưởng có tính khả thi.

+ Tổ chức các sự kiện kết nối nguồn lực để hỗ trợ hiện thực hóa những ý tưởng sáng tạo, đổi mới của phụ nữ đã được lựa chọn; hỗ trợ các doanh nghiệp có nhu cầu phát triển về chất lượng và quy mô.

+ Vinh danh, khen thưởng các tập thể, cá nhân phụ nữ có ý tưởng/công trình nghiên cứu có giá trị ứng dụng cao (sản xuất/kinh doanh sản phẩm sạch, an toàn, bảo vệ môi trường... đem lại lợi ích cho phụ nữ và cộng đồng).

- *Hỗ trợ nâng cao năng lực kinh doanh, khởi nghiệp cho phụ nữ có ý tưởng kinh doanh khả thi.*

+ Tập huấn, đào tạo nghề, đào tạo kiến thức về khởi sự kinh doanh, thành lập doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp; tiếp cận vốn tín dụng dành cho DNNVV; xây dựng thương hiệu/sở hữu trí tuệ ...

+ Tổ chức các lớp giáo dục tài chính; hướng dẫn quản lý, sử dụng vốn cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, phụ nữ có ý tưởng khởi nghiệp.

+ Giới thiệu, tư vấn, kết nối cho phụ nữ có ý tưởng kinh doanh, khởi nghiệp tham gia các lớp đào tạo nghề, đào tạo kiến thức khởi sự kinh doanh do các Quỹ hỗ trợ phát triển DNNVV và các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp khác.

+ Bổ sung chương trình, tài liệu, giáo trình về kiến thức khởi sự kinh doanh, phát triển doanh nghiệp có lòng ghép giới trên cơ sở các tài liệu hiện hành.

- *Hỗ trợ pháp lý, xây dựng thương hiệu, sở hữu trí tuệ cho phụ nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp có sự đổi mới sáng tạo.*

+ Tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể của phụ nữ đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu, bảo hộ thương hiệu sản phẩm; đăng ký sở hữu trí tuệ cho các phát minh, sáng chế, các sản phẩm sản xuất/sản phẩm chủ lực, đặc sản của địa phương. Kết nối với các đơn vị chức năng để tư vấn pháp lý.

+ Phát hiện, giới thiệu các cá nhân, nhóm cá nhân là nữ có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới... để được hỗ trợ từ Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

+ Tổ chức các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm.

- *Hỗ trợ tiếp cận tín dụng:*

+ Tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp nữ mới thành lập có nhu cầu tiếp cận tín dụng từ các Tổ chức tín dụng, các Quỹ tín dụng trong chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ của quốc gia, Quỹ quốc gia giải quyết việc làm (120) các Quỹ cho vay kinh tế tập thể của quốc gia và các địa phương.

+ Hỗ trợ vốn cho 7.000 phụ nữ có đăng ký kinh doanh (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể) phát triển kinh doanh thông qua vốn từ TYM và các tổ chức tín dụng.

b) Hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp nữ mới thành lập

- Tập huấn, đào tạo kiến thức, đào tạo nghề; tổ chức các hoạt động điềm cấp vùng, cụm (xúc tiến thương mại, tổ chức đối thoại giữa doanh nghiệp nữ với chính quyền...).

- Tư vấn, hỗ trợ các DN nữ tiếp cận các nguồn lực: về vốn, pháp lý, khoa học công nghệ...

- Tư vấn, hỗ trợ nâng cao chất lượng của các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp nữ.

- Kết nối các DN nữ giới thiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại thông qua trang thông tin điện tử của Hội, Báo Phụ nữ Việt Nam, trên trang điện tử phunuvietnamonline, các báo của các bộ ngành, địa phương.

c) Hoạt động liên kết, phát triển mạng lưới và xúc tiến thương mại

- *Hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác*

+ Đào tạo, nâng cao năng lực quản lý điều hành cho Ban quản lý HTX/THT.

+ Tư vấn, tập huấn cho Ban Quản lý các hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp.

+ Tư vấn, đào tạo nghề phi nông nghiệp và nông nghiệp cho thành viên hợp tác xã/ tổ hợp tác;

+ Hỗ trợ HTX/THT tiếp cận các Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể, Quỹ hỗ trợ tín dụng của quốc gia và địa phương nhằm đổi mới, ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển sản xuất của HTX/THT.

- Phát triển mạng lưới các Hiệp hội/Hội/Câu lạc bộ doanh nhân nữ.

+ Củng cố, kiện toàn nâng cao năng lực các Hiệp hội/Hội/Câu lạc bộ doanh nhân nữ hiện có.

+ Kết nối, hỗ trợ; bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp nữ; khuyến khích chị em khởi nghiệp, góp phần kích lệ tinh thần khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp; tham gia công tác từ thiện, thực hiện an sinh xã hội.

+ Hiệp hội/Hội doanh nhân nữ cấp tỉnh, thành quan tâm, ưu tiên, thu hút, hỗ trợ các doanh nghiệp xã hội của phụ nữ; đặc biệt là doanh nghiệp có đối tượng đặc thù và doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực, ngành nghề truyền thống; du lịch văn hóa, dịch vụ gia đình...

+ Hỗ trợ phụ nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp, trong đó quan tâm phụ nữ khó khăn, có mong muốn khởi nghiệp.

+ Thúc đẩy hoạt động thương mại trong và ngoài nước; kết nối các doanh nhân, doanh nghiệp với hoạt động sản xuất của phụ nữ tại địa phương; ưu tiên hoạt động sản xuất nông nghiệp; những địa bàn khó khăn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

+ Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm nâng cao kiến thức phát triển doanh nghiệp.

+ Phối hợp với tổ chức Hội phụ nữ tại các địa phương hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, quan tâm phụ nữ khó khăn có mong muốn khởi nghiệp.

d) Tăng cường năng lực cho các đơn vị hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp

- Nghiên cứu, xây dựng và vận hành mô hình tăng quyền năng kinh tế cho phụ nữ (Business Hub) tại cấp TW, đại diện vùng miền và nhân rộng mô hình hỗ trợ phụ nữ kinh doanh tại cấp tỉnh/thành.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực của cán bộ Hội chịu trách nhiệm đầu mối phụ trách hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp về kỹ năng kinh doanh, kỹ năng quản lý, điều hành, kết nối các đơn vị hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp.

- Tăng cường nguồn lực về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật cho các đơn vị hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh.

- Tham gia là thành viên các tổ chức quốc tế, quốc gia về hỗ trợ phụ nữ sáng tạo, đổi mới khởi nghiệp và phát triển kinh doanh.

2.3 Cơ quan phối hợp

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Khoa học - Công nghệ;
- Bộ Tư pháp;
- Ngân hàng CSXH, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tổ chức SNV (Hà Lan) và UBND các tỉnh/thành...

2.4 Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí: **51** tỷ đồng (Ngân sách Trung ương **30** tỷ đồng; nguồn xã hội hoá: **21** tỷ đồng), trong đó:

Giai đoạn 1: **23,15** tỷ đồng

Giai đoạn 2: **27,85** tỷ đồng

3. Nghiên cứu, đề xuất chính sách, kiểm tra giám sát việc thực hiện chính sách luật pháp hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh

3.1 Chỉ tiêu:

Giai đoạn 1(2017 - 2020):

- Nghiên cứu, đề xuất được ít nhất 02 chính sách, giải pháp liên quan hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh;

- Nghiên cứu xây dựng 01 bộ chỉ số kiểm tra, giám sát, đánh giá đề án;

- Tổ chức được ít nhất 03 cuộc kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp cho phụ nữ.

Giai đoạn 2 (2021 - 2025):

- Nghiên cứu, đề xuất được ít nhất 01 chính sách, giải pháp liên quan hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh;

- Tổ chức được ít nhất 05 cuộc kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp cho phụ nữ.

3.2 Nội dung, giải pháp

a) Nghiên cứu, đánh giá về hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh

- Nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp theo đối tượng, vùng miền.

- Đề xuất chính sách hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ (tập trung cho DN siêu nhỏ).

- Nghiên cứu đề xuất giải pháp tổ chức tư vấn, đối thoại chính sách về hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp.

- Xây dựng và phát hành tài liệu Cẩm nang dành cho cán bộ Hội trong hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp cho phụ nữ

- Giám sát việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật và thực thi chính sách về phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp cho phụ nữ theo Quy chế giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên.

- Phản biện xã hội đối với các dự thảo chính sách, luật pháp về phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp cho phụ nữ.

- Tham gia góp ý xây dựng văn bản đề xuất chính sách về phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp cho phụ nữ.

- Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số kiểm tra, giám sát, đánh giá đề án.

c) Giám sát, đánh giá thực hiện Đề án

- Tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát thực hiện trong khuôn khổ Đề án. Định kỳ hàng năm báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

- Phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham gia các đoàn kiểm tra liên ngành đánh giá việc thực hiện Đề án.

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết Đề án

3.3 Cơ quan phối hợp:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tư pháp;
- Tổ chức SNV (Hà Lan) và UBND các tỉnh/thành...

3.4 Kinh phí:

Tổng kinh phí: **12,75** tỷ đồng (Ngân sách Trung ương), trong đó:

Giai đoạn 1: **5,75** tỷ đồng

Giai đoạn 2: **7,00** tỷ đồng

IV. KINH PHÍ ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện Đề án

- Hàng năm, Hội LHPN Việt Nam xây dựng kế hoạch hoạt động và dự toán kinh phí, đề xuất lồng ghép từ chương trình/dự án với các Bộ/Ngành liên quan hoặc các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp ... để thực hiện Đề án.

- Tổng kinh phí thực hiện Đề án: **74,13** tỷ đồng, trong đó, ngân sách TW: **53,13** tỷ đồng, kinh phí xã hội hóa: **21** tỷ đồng.

Giai đoạn 1: **36,43** tỷ đồng

Giai đoạn 2: **37,70** tỷ đồng

- Kết thúc giai đoạn 1, Hội LHPN Việt Nam sẽ tổng kết, đánh giá và điều chỉnh dự toán cho phù hợp với giai đoạn tiếp theo.

2. Cơ chế tài chính của Đề án

- Kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm thực hiện Đề án thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan theo nguyên tắc như sau:

+ Ngân sách TW bảo đảm kinh phí đối với các nội dung công việc do TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các Bộ, ngành TW thực hiện như xây dựng triển khai mô hình điểm, sơ/ tổng kết...;

+ Đối với một số hoạt động của Đề án được lồng ghép vào hoạt động của một số chương trình, đề án hiện đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Chương trình Đào tạo, nâng cao năng lực cho DNNVV; Chương trình 120...): căn cứ vào kế hoạch hoạt động đề xuất của TW hội LHPN Việt Nam, các bộ ngành chủ trì các chương trình, đề án được lồng ghép xem xét bố trí kinh phí phối hợp với Hội LHPN Việt Nam tổ chức thực hiện đảm bảo mục tiêu đặt ra.

+ UBND các tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương bố trí kinh phí đối với các nội dung công việc do Hội LHPN các cấp thuộc địa phương quản lý và các nội dung công việc do các cơ quan tại địa phương thực hiện.

- Căn cứ vào hướng dẫn của TW Hội LHPN Việt Nam về các nội dung công việc cần triển khai để thực hiện Đề án, Hội LHPN các tỉnh/thành xây dựng Đề án hoặc hàng năm xây dựng kế hoạch hoạt động và lập dự toán ngân sách trình Ủy ban nhân dân phê duyệt làm cơ sở thực hiện; báo cáo kết quả thực hiện về TW Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

- Hàng năm, Hội LHPN Việt Nam xây dựng kế hoạch hoạt động và dự toán kinh phí đề xuất lồng ghép từ chương trình/dự án với các Bộ/Ngành liên quan hoặc các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp ... để thực hiện Đề án.

- Tăng cường việc xã hội hóa để thực hiện Đề án một cách hiệu quả, thiết thực. Huy động thêm kinh phí của các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng để bổ sung cho việc thực hiện Đề án. Việc quản lý và sử dụng kinh phí được thực hiện theo các quy định hiện hành.

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÍNH BỀN VỮNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả của Đề án

- Tạo phong trào khởi nghiệp trong các tầng lớp phụ nữ, góp phần xây dựng văn hóa khởi nghiệp của Quốc gia.

- Đề án hỗ trợ 20.000 phụ nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ Hội cấp TW, tỉnh/thành và doanh nghiệp do phụ nữ quản lý thành lập về kỹ năng kinh doanh, kỹ năng quản lý, điều hành, kết nối các đơn vị hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp.

- Tăng sự hợp tác, chia sẻ giữa các doanh nghiệp, cộng đồng nhằm giúp nhau phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh sản phẩm sạch, an toàn thông qua áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, các mô hình kinh tế hợp tác góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế và ổn định an sinh xã hội.

- Việc thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và nhà nước về phát triển DN sẽ có bước chuyển biến mạnh mẽ, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi do có sự kết nối đồng bộ của các chương trình, Đề án hiện có của quốc gia và các bộ, ngành trong lĩnh vực này.

- Nâng cao quyền năng kinh tế và vị thế của người phụ nữ thông qua các hoạt động giúp phụ nữ phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường.

- Tăng hiệu quả hoạt động của các cấp Hội: Năng lực cán bộ Hội sẽ đáp ứng được với yêu cầu mới; năng lực giám sát, phản biện chính sách được nâng lên; các trung tâm, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các chương trình TCVM chuyển đổi phương thức hoạt động đáp ứng theo nhu cầu thiết thân của phụ nữ và định hướng thị trường. Đề án tạo cơ hội, cho các cấp Hội lồng ghép đồng bộ các giải pháp, nguồn lực để hỗ trợ tốt hơn cho phụ nữ phát triển kinh doanh bền vững.

2. Tính bền vững của Đề án

- Các hoạt động của Đề án tập trung vào các hoạt động vận động, tôn vinh nhằm thúc đẩy tính sáng tạo, tinh thần chủ động, do đó sẽ phát huy hết tiềm năng của mỗi người phụ nữ cũng như của cả cộng đồng.

- Với phương thức phát huy tối đa nội lực, hạn chế sự hỗ trợ trực tiếp cho Doanh nghiệp, Đề án tạo ra cơ chế, mạng lưới để hỗ trợ các doanh nghiệp nữ tăng tính cạnh tranh, tăng khả năng tiếp cận nguồn lực cũng như tiếp cận thị trường.

- Cơ chế hỗ trợ của Đề án qua nhiều bước sàng lọc nên sự hỗ trợ sẽ chỉ tập trung vào nhóm phụ nữ có ý tưởng sáng tạo, khả thi, có ý chí khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh với chuỗi các dịch vụ hỗ trợ khép kín theo nhu cầu của từng DN

nên tỷ lệ thành công sẽ cao. Trong giai đoạn đầu, Đề án ưu tiên hỗ trợ phụ nữ khó khăn, phụ nữ là người dân tộc thiểu số, phụ nữ dễ bị tổn thương.

- Bên cạnh đó, Hội LHPN Việt Nam sẽ phối hợp, lồng ghép nguồn lực với các bộ/ngành nên huy động thêm được sức mạnh, tăng hiệu quả của các chương trình, Đề án hiện có.

- Hội LHPN Việt Nam hiện có nhiều chuyên gia, cán bộ đã có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, đặc biệt trong hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp (xây dựng tài liệu, giảng viên, mạng lưới...) nên hoàn toàn có khả năng triển khai thực hiện và phát triển các hoạt động của Đề án một cách bền vững;

- Các cấp Hội có nhiều chương trình tài chính vi mô, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trung tâm sẽ cung cấp tối đa cho DN các dịch vụ tài chính, đào tạo, kết nối tiêu thụ sản phẩm... theo hướng chất lượng, bền vững ngay cả khi Đề án kết thúc.

- Vấn đề khởi nghiệp nói chung và khởi nghiệp cho phụ nữ nói riêng đang được sự quan tâm không chỉ của Việt Nam mà còn của nhiều nước, nhiều tổ chức xã hội. Cả hệ thống chính trị của Việt Nam đã thể hiện quyết tâm cao về phát triển DN với nhiều giải pháp đột phá nên Đề án sẽ nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của các cấp chính quyền, cộng đồng, các tổ chức trong và ngoài nước.

PHẦN THỨ BA: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội LHPN Việt Nam

- Là cơ quan chủ trì triển khai thực hiện các hoạt động của Đề án.
- Tổ chức thực hiện các hoạt động của Đề án đã được phê duyệt, phối hợp đồng bộ với các bộ/ngành trong quá trình thực hiện Đề án, phân công đơn vị trực thuộc TW Hội làm đầu mối tham mưu triển khai thực hiện các dự án.
- Tổ chức triển khai, đánh giá; hướng dẫn sơ kết, tổng kết; xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án hàng năm, giai đoạn; hướng dẫn triển khai; kiểm tra giám sát thực hiện Đề án.
- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Đề án; bổ sung, điều chỉnh hoạt động của Đề án đảm bảo phù hợp thực tế, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

2. Bộ Tài chính

- Hàng năm bố trí Ngân sách nhà nước để thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.
- Triển khai các nhiệm vụ được giao trách nhiệm trong Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Bộ Tài chính cân đối, đề xuất, phân bổ ngân sách thực hiện Đề án.
- Phối hợp với TW Hội LHPN Việt Nam triển khai lồng ghép hoạt động của Đề án với các chương trình/dự án về hỗ trợ phát triển DNVVN, khởi nghiệp do Bộ chủ trì trên cơ sở kế hoạch năm, 5 năm, 10 năm của Hội LHPN Việt Nam.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Nghiên cứu, đề xuất, phân bổ ngân sách cho các hoạt động của Đề án trong lĩnh vực hoạt động do Bộ chủ trì; lồng ghép vào các Đề án liên quan khác trên cơ sở đề xuất của Hội LHPN Việt Nam.
- Phối hợp với Hội LHPN Việt Nam hướng dẫn quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Hội LHPN Việt Nam.
- Bố trí nguồn vốn từ chương trình MTQG giải quyết việc làm (120) cho Hội LHPN cấp Trung ương, các tỉnh/thành trong quá trình thực hiện Đề án.
- Phối hợp với Hội LHPN Việt Nam và các bộ/ngành liên quan tham gia giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án hàng năm và các giai đoạn.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp thực hiện, đề xuất, phân bổ ngân sách cho các hoạt động Đề án trong lĩnh vực hoạt động do Bộ chủ trì: đào tạo nghề nông nghiệp và kết nối tiêu

thụ sản phẩm nông nghiệp, hỗ trợ HTX trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn trên cơ sở đề xuất của Hội LHPN Việt Nam.

- Bố trí nguồn vốn từ chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cho Hội LHPN cấp Trung ương, các tỉnh/thành trong quá trình thực hiện Đề án.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Hội LHPN Việt Nam thực hiện các hoạt động của Đề án lồng ghép trong Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

7. Các bộ, ngành, cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án, lồng ghép các hoạt động Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp trong các Chương trình, Đề án liên quan.

8. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai các hoạt động của Đề án; lồng ghép các hoạt động Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp trong các Chương trình, Đề án liên quan.

9. Hiệp hội nữ doanh nhân Việt Nam

- Vận động Hội viên thi đua sáng tạo, nghiên cứu sản phẩm khởi nghiệp, ứng dụng sản phẩm sáng tạo để khởi nghiệp, phát triển kinh doanh.

- Phối hợp với Hội LHPN Việt Nam, Hội LHPN các cấp, Hội nữ trí thức trong việc phát triển mạng lưới Hiệp hội/Hội/CLB doanh nhân nữ, thu hút hội viên.

- Phối hợp với Hội LHPN Việt Nam tăng cường hợp tác kinh doanh, tham gia các tổ chức quốc tế về hỗ trợ phụ nữ sáng tạo, đổi mới, khởi nghiệp và phát triển kinh doanh.

10. Hội nữ trí thức

- Phối hợp với Hội LHPN Việt Nam trong các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng sản phẩm sáng tạo đã được công nhận để giới thiệu cho Hiệp Hội nữ doanh nhân hỗ trợ phụ nữ kinh doanh theo chuỗi giá trị; đào tạo tập huấn, chuyển giao, áp dụng khoa học công nghệ.

- Phối hợp với các cơ sở hỗ trợ phụ nữ phát triển khởi nghiệp, phát triển kinh doanh, tư vấn cho doanh nghiệp nữ.

- Phối hợp với Hội LHPN Việt Nam tăng cường hợp tác nghiên cứu, trao đổi học tập, tham gia các tổ chức quốc tế về hỗ trợ phụ nữ sáng tạo, đổi mới, khởi nghiệp và phát triển kinh doanh.

11. Ủy ban Nhân dân các tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện Đề án theo hướng dẫn của Hội LHPN Việt Nam và các Bộ, ngành có liên quan.

- Chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí ngân sách địa phương bảo đảm cho việc thực hiện các hoạt động của Đề án.

- Theo dõi, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương.

12. Các bộ/ ngành có liên quan, UBND các tỉnh/ thành phố báo cáo việc thực hiện Đề án gửi về Hội LHPN Việt Nam để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 20 tháng 12 hằng năm.
